TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
THÀNH PHỐ HÀ NỘI	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: ***/2023/ST-HNGĐ

Ngày: **/**/2023

V/v: *tranh chấp xin ly hôn*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: *Bà* **Phương Thảo**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Bùi Thị Thu Giang** và ông **Đinh Văn Hưng**

- Thư ký phiên tòa: *Ông* **Phạm Thái An**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội *tham gia phiên toà: Bà* **Nguyễn Thu Dung**- Kiểm sát viên

Ngày ** tháng ** năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: ***/**2023**/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng ** năm 2023 về tranh chấp "*xin ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 282/*2023*/QĐXX-ST ngày *30* tháng ** năm *2023* giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ông Phạm Văn C;** Sinh năm: 1984; Căn cước công dân số: 03408*******; Do cục trưởng cục cảnh sát QLHC về TTXH; Cấp ngày: 27.3.2023; Nơi thường trú: Căn hộ ***** Tòa XXXX KĐT V, huyện L, thành phố Hà Nội. Xin vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: **Bà Nguyễn Thị A;** Sinh năm: 1985; Hộ chiếu số: N21*****; Địa chỉ: Số nhà **, phòng số *, đường X, Kod bưu điện X huyện W, tỉnh Z, Poland. Xin vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 27 tháng 9 năm 2023, ông Phạm Văn C có đơn khởi kiện vụ án xin ly hôn, yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Về hôn nhân: xin ly hôn với bà Nguyễn Thị A.

Về con: Có 01 con chung là Phạm H, sinh ngày 05.3.20**. Khi ly hôn có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản, nhà ở, vay nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: ông Phạm Văn C tự nguyện chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị A đã có Bản tự khai đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn C. Do bà Nguyễn Thị A đang ở nước ngoài nên xin vắng mặt, đề nghị không tiến hành hòa giải, vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được nên Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Bản tự khai, Đơn xin vắng mặt của bà Nguyễn Thị A có xác nhận chữ ký của Đại sứ quán Việt Nam tại Cộng hòa Ba Lan.

Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn đã xuất trình các tài liệu, chứng cứ sau:

1- Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính).

2- Giấy khai sinh của con (bản sao).

3- Bản tự khai, đơn xin vắng mặt, giấy ủy quyền của bà Nguyễn Thị A.

4- Giấy tờ nhân thân khác.

Tại phiên tòa hôm nay;

Ông Phạm Văn C và bà Nguyễn Thị A đã có văn bản xin vắng mặt vẫn giữ nguyên yêu cầu như đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự giải quyết vụ án; các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, đã được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Phạm Văn C và bà Nguyễn Thị A; Về con: hai bên có 01 con chung là Phạm H, sinh ngày 05/3/20**; ghi nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự, giao con chung cho ông Phạm Văn C trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà Nguyễn Thị A; tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; Về án phí: Ông Phạm Văn C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Ông Phạm Văn C xác định mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, bà Nguyễn Thị A hiện đang ở nước ngoài, đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ. Do đó, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, các đương sự xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Ông Phạm Văn C và bà Nguyễn Thị A kết hôn tự nguyện, không vi phạm điều cấm nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống đến năm 2015 đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, bà Nguyễn Thị A đã sang sinh sống, làm việc, định cư tại Ba Lan và đã sống ly thân, hai bên đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Thực chất cuộc hôn nhân giữa hai bên chỉ còn ràng buộc nhau về mặt pháp luật, thực tế mỗi người đã có cuộc sống riêng tại 02 quốc gia khác nhau. Do đó, việc Tòa án công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015.

[3] Về con chung: Ông Phạm Văn C và bà Nguyễn Thị A có 01 con chung là Phạm H, sinh ngày 05.3.20**. Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao con chung cho ông Phạm Văn C trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà Nguyễn Thị A.

[4] Về tài sản: Ông Phạm Văn C và bà Nguyễn Thị A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ông Phạm Văn C phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Căn cứ vào Điều 27, 63, 227, 220, 264, 266, 267, 273, 278, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 19, 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1- Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Phạm Văn C và bà Nguyễn Thị A.

2- Về nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị A và ông Phạm Văn C có 01 con chung là Phạm H, sinh ngày 05.3.20**.

Giao con chung cho ông Phạm Văn C trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà Nguyễn Thị A cho đến khi ông Phạm Văn C có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác.

Bà Nguyễn Thị A thực hiện quyền và nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con sau ly hôn theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi, quyền nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3- Về chia tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4- Về án phí: Ông Phạm Văn C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2021/000**** ngày **.**.2023 tại Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội. Ông Phạm Văn C đã nộp xong tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội;
- Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

Phương Thảo